

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ
trình HĐND cấp huyện quyết định dự toán ngân sách huyện
và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023 (chi tiết tại các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP Huyện ủy;
- Các phòng, ban thuộc huyện;
- Các hội đoàn thể huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- VKSND huyện;
- TAND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, K2, TCKH.



CHỦ TỊCH

Bùi Tấn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 và dự toán ngân sách huyện Vĩnh Thạnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân cấp huyện

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Vĩnh Thạnh)

I. THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện năm 2022 là 469.894 triệu đồng, đạt 174,5% kế hoạch, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

1.1. Thu ngân sách Trung ương là 3.350 triệu đồng.

1.2. Thu ngân sách tỉnh là 5.270 triệu đồng.

1.3. Thu ngân sách huyện là 400.543 triệu đồng, đạt 178,3% kế hoạch, tăng 25,9% so với cùng kỳ; thu ngân sách xã, thị trấn là 60.731 triệu đồng, đạt 136% kế hoạch, tăng 3,9% so với cùng kỳ. Trong đó, thu ngân sách huyện, xã trên địa bàn hưởng theo phân cấp là 125.559 triệu đồng, đạt 158,4% kế hoạch, tăng 49,4% so với cùng kỳ. Nếu trừ tiền sử dụng đất là 34.300 triệu đồng và các khoản thu huy động đóng góp 619 triệu đồng thì số thu cân đối trên địa bàn còn lại 90.640 triệu đồng, đạt 152,9% kế hoạch, tăng 27,5% so với cùng kỳ.

Một số nguồn thu đạt và vượt kế hoạch gồm: Thuế giá trị gia tăng 45.000 triệu đồng, đạt 132,1% kế hoạch; thuế thu nhập doanh nghiệp 5.200 triệu đồng, đạt 866,7% kế hoạch; thuế tài nguyên 33.000 triệu đồng, đạt 164,2% kế hoạch; tiền thuê đất, mặt nước 530 triệu đồng, đạt 176,7% kế hoạch; thu tiền sử dụng đất 34.300 triệu đồng, đạt 171,5% kế hoạch; thu lệ phí trước bạ 3.600 triệu đồng, đạt 180% kế hoạch; thu phí, lệ phí 660 triệu đồng, đạt 161% kế hoạch; thu khác ngân sách 700 triệu đồng, đạt 127,3% kế hoạch; thuế thu nhập cá nhân 1.500 triệu đồng, đạt 176,5% kế hoạch,...

2. Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương (kể cả ngân sách xã, thị trấn) năm 2022 ước thực hiện là 419.278 triệu đồng, đạt 155,7% kế hoạch, tăng 11,3% so với cùng kỳ. Trong đó:

2.1. Chi ngân sách huyện năm 2022 là 364.201 triệu đồng, đạt 162,1% kế hoạch, tăng 14,5% so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 98.089 triệu đồng, đạt 320,9% kế hoạch, tăng 136,9% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên là 211.001 triệu đồng, đạt 120,8% kế hoạch.

- Tạm chi ngân sách là 319 triệu đồng.

- Chi bổ sung ngân sách xã, thị trấn 54.792 triệu đồng.

2.2. Chi ngân sách xã, thị trấn năm 2022 là 55.077 triệu đồng, đạt 123,3% kế hoạch, giảm 5,8% so với cùng kỳ. Trong đó,

- Chi đầu tư phát triển là 700 triệu đồng.
- Chi thường xuyên là 54.370 triệu đồng.

3. Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021

3.1. Về thu ngân sách

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (ngân sách huyện + xã) 461.274 triệu đồng, đạt 171,3% so với kế hoạch, tăng 22,5% so với cùng kỳ; số thu tăng so với cùng kỳ là do nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và thiểu số và miền núi và các chương trình mục tiêu khác. Nhìn chung, trong năm 2022 các ngành, các cấp đã có nhiều cố gắng, nỗ lực triển khai thực hiện nhiều giải pháp nên thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt và vượt dự toán (vượt 52,8%) HĐND huyện giao.

3.2. Về chi ngân sách

- Nhìn chung, chi ngân sách năm 2022 của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã bám sát vào dự toán được giao, cơ bản đảm bảo các nhiệm vụ chi theo kế hoạch đề ra, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát trong quá trình chấp hành chi ngân sách để kịp thời phát hiện, uốn nắn và xử lý những trường hợp chi sai, vượt chế độ và định mức theo quy định hiện hành.

- Tiếp tục chủ động dành 70% tăng thu thực hiện so với dự toán giao để tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2022 và tích lũy cho giai đoạn 2022 - 2025; tiếp tục triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý nhà nước và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

II. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025; Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm

2022 và Quyết định số 78/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi NSNN giữa các cấp chính quyền địa phương; UBND huyện xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2023 là 297.596 triệu đồng. Cụ thể:

- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh 209.796 triệu đồng. Trong đó, thu bổ sung cân đối 160.563 triệu đồng, thu bổ sung có mục tiêu 49.233 triệu đồng.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện theo phân cấp là 87.800 triệu đồng; trong đó: Thu từ khu vực ngoài quốc doanh 62.710 triệu đồng; thu lệ phí trước bạ 2.200 triệu đồng; thu phí, lệ phí 720 triệu đồng; tiền sử dụng đất 20.000 triệu đồng; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 300 triệu đồng; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 20 triệu đồng; thu khác ngân sách 550 triệu đồng; thu cố định tại xã 400 triệu đồng và thuế thu nhập cá nhân 900 triệu đồng.

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023

Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2023 là 297.596 triệu đồng. Cụ thể:

2.1. Chi ngân sách huyện là 247.935 triệu đồng. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 31.109 triệu đồng (tính đầu tư giao huyện bố trí là 11.109 triệu đồng; tiền sử dụng đất là 20.000 triệu đồng); chi thường xuyên 182.414 triệu đồng; chi mục tiêu là 30.112 triệu đồng; dự phòng chi là 4.300 triệu đồng.

2.2. Dự toán chi ngân sách xã, thị trấn là 49.661 triệu đồng. Trong đó, chi thường xuyên là 46.607 triệu đồng; chi mục tiêu là 2.121 triệu đồng; dự phòng chi là 933 triệu đồng.

III. GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Năm 2023, là năm thứ ba thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, năm thứ hai của thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2022 - 2025. Để phát huy kết quả đạt được, rút kinh nghiệm những hạn chế của năm 2022 và thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, UBND huyện đề nghị các cấp, các ngành, các địa phương cần thực hiện tốt một số nội dung năm 2023 như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước năm 2023

- Ngay sau khi triển khai giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2023, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn xây dựng các biện pháp cụ thể, chỉ đạo sâu sát trong quá trình thực hiện để phấn đấu thu ngân sách đạt và vượt dự toán được Hội đồng nhân dân huyện giao; đồng thời, có trách nhiệm hỗ trợ và tạo điều kiện về mọi mặt cho các cơ quan thuộc ngành Tài chính, nhất là cơ quan Thuế hoàn thành tốt nhiệm vụ thu ngân sách theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý

thuế, các chế độ, chính sách thu của Nhà nước; phát huy kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân kịp thời thu nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước, đảm bảo thực hiện đầy đủ các ưu đãi về thuế.

- Chủ động đánh giá tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn để chỉ đạo kịp thời; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thực hiện các văn bản pháp luật mới và đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra việc kê khai thuế của các cá nhân, tổ chức để thu đúng, thu đủ vào ngân sách; xây dựng kế hoạch cụ thể thu ngân sách hàng tháng, quý để có giải pháp điều hành ngân sách sát với thực tế, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối các nguồn thu cả năm.

- Rà soát, tăng cường khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công để huy động vốn cho phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đầu tư kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tà Súc và các công trình trọng tâm, trọng điểm để đưa nhanh vào hoạt động; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có mặt bằng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, xem đây là biện pháp lâu dài, cơ bản để tăng thu ngân sách nhà nước.

2. Về chi ngân sách nhà nước năm 2023

- Dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước; việc sử dụng ngân sách phải tuân thủ theo dự toán ngân sách đã được HĐND các cấp quyết định. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát trong và ngoài nước; thực hiện mua sắm tài sản theo quy định; đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Quản lý chặt chẽ việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và chi chuyển nguồn sang năm sau.

- Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy mạnh mẽ về ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kết nối thông suốt, đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.

- Tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN theo quy định tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính và thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội năm 2023 theo Công văn số 3127/STC-QLNS của Sở Tài chính; chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn cho các xã, thị trấn thực hiện việc chi trả lương và các khoản phụ cấp cho cán bộ xã, thị trấn và cán bộ thôn, làng, khu vực kịp thời; tiếp tục triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý nhà nước và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo thực hiện nghiêm Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chế độ công khai ngân sách nhà nước theo quy định; thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị của các cơ quan kiểm toán, thanh tra và báo cáo định kỳ cho UBND huyện.

- Các chủ đầu tư phải khẩn trương triển khai kịp thời việc thực hiện kế hoạch

vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 bảo đảm sử dụng hết vốn được giao trong năm. Cơ quan tư vấn xây dựng và đầu tư phải thực hiện công tác tư vấn theo đúng tiến độ hợp đồng; các cơ quan thẩm định đẩy nhanh tiến độ thẩm định dự án, thiết kế - dự toán đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

- Kho bạc Nhà nước Vĩnh Thạnh đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong cấp phát, thanh toán vốn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật, tránh tình trạng chậm trễ, làm ảnh hưởng đến việc triển khai nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; đồng thời, tăng cường công tác kiểm soát chi theo quy định và chịu trách nhiệm về việc kiểm soát của mình.

- UBND xã, thị trấn căn cứ Quyết định của UBND huyện về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2023, trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các ban, ngành, đoàn thể theo đúng quy định; đồng thời triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với UBND các xã, thị trấn, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước Vĩnh Thạnh để làm căn cứ thanh toán và kiểm soát chi theo quy định./.

UBND HUYỆN VINH THẠNH

Biểu số 69/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Thạnh)
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	269.350	461.274	297.596	110,5
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	79.290	124.940	87.800	110,7
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	79.290	124.940	87.800	110,7
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	190.060	307.780	209.796	110,4
-	Thu bổ sung cân đối	160.024	177.586	160.563	100,3
-	Thu bổ sung có mục tiêu	30.036	130.194	49.233	163,9
III	Thu kết dư	0	3	0	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		27.926	0	
V	Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước		0	0	
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		6	0	
VII	Thu đóng góp		619	0	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	269.350	431.339	297.596	110,5
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	253.314	431.339	265.363	104,8
1	Chi đầu tư phát triển	30.570	110.850	31.109	101,8
2	Chi thường xuyên	217.458	265.371	229.021	105,3
3	Dự phòng ngân sách	5.286	0	5.233	99,0
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0	0	0,0
5	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	0	54.792		
6	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	0	7		
7	Tạm chi ngân sách	0	319		
8	Chi cho vay	0	0	0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	16.036	0	32.233	201,0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		0		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	16.036	0	32.233	201,0
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	0	0	

UBND HUYỆN VINH THẠNH

Biểu số 70/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Thạnh)
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	224.694	400.543	247.935	110,3
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	74.870	117.218	83.910	112,1
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	149.824	260.086	164.025	109,5
-	Thu bổ sung cân đối	120.773	139.000	116.913	96,8
-	Thu bổ sung có mục tiêu	29.051	121.086	47.112	162,2
3	Thu kết dư	0	0	0	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	22.614	0	0,0
5	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	6	0	
6	Thu đóng góp	0	619		
II	Chi ngân sách	224.694	376.470	247.963	110,4
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	224.694	376.470	247.963	110,4
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	0		0	
-	Chi bổ sung cân đối				
-	Chi bổ sung có mục tiêu				
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	0	0	
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	44.656	60.731	49.661	111,2
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	4.420	7.722	3.890	88,0
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	40.236	47.694	45.771	113,8
-	Thu bổ sung cân đối	39.251	38.586	43.650	111,2
-	Thu bổ sung có mục tiêu	985	9.108	2.121	215,3
3	Thu kết dư		3		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.312		
5	Thu huy động, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng		0		
II	Chi ngân sách	44.656	54.869	49.661	111,2

UBND HUYỆN VINH THẠNH

Biểu số 72/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Vinh Thanh)
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	297.596	247.935	49.661
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	265.363	217.823	47.540
I	Chi đầu tư phát triển	31.109	31.109	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	20.000	20.000	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	20.000	20.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư phát triển khác	11.109	11.109	
II	Chi thường xuyên	229.021	182.414	46.607
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	131.600	131.330	270
2	Chi khoa học và công nghệ	250	250	
III	Dự phòng ngân sách	5.233	4.300	933
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		0
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	32.233	30.112	2.121
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	32.233	30.112	2.121
1	Chi Đại hội Hội Nông dân (Nhiệm kỳ 2023-2025)	390	150	240
2	Chi Đại hội Cháu ngoan Bác Hồ lần thứ XVII	80	80	
3	Chi Đại hội Cựu thanh niên xung phong	30	30	
4	Chi 39 hợp đồng lao động bảo vệ rừng	3.096	3.096	
5	Chi tiếp xúc cử tri + Hỗ trợ sinh hoạt Tổ đại biểu HĐND tỉnh	36	36	
6	Chi xây dựng hệ thống truyền hình trực tuyến các xã, thị trấn kết nối với hệ thống của huyện, tỉnh	1.600	1.600	
7	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cho các phòng, ban và UBND các xã, thị trấn	2.000	1.140	860
8	Chi hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông theo Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh	6.400	6.400	
9	Chi quản lý Đê nhân dân	21		21
10	Hỗ trợ kiến thiết thị chính; chỉnh trang, nâng cấp, phát triển môi trường, cảnh quan đô thị; quảng bá, phát triển văn hóa - du lịch; xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu	18.000	17.400	600
-	Mua xe ép rác	4.000	4.000	
-	Hỗ trợ kiến thiết thị chính cho UBND xã Vĩnh Quang	200		200
-	Hỗ trợ kiến thiết thị chính cho UBND xã Vĩnh Hảo	400		400
-	Chi tiền điện chiếu sáng công cộng	700	700	
-	Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng khu vực thị trấn	600	600	
-	Kinh phí còn lại chưa phân bổ	12.100	12.100	
11	Chi thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt năm 2023	580	180	400
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	0	0

UBND HUYỆN VINH THẠNH

Biểu số 73/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Vinh Thanh)
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	247.935
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	247.935
I	Chi đầu tư phát triển	31.109
1	Chi đầu tư cho các dự án	20.000
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	11.109
II	Chi thường xuyên	182.414
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	131.330
2	Chi khoa học và công nghệ	250
3	Chi văn hóa thông tin	809
4	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.352
5	Chi thể dục thể thao	376
6	Chi bảo vệ môi trường	1.102
7	Chi các hoạt động kinh tế	4.732
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	26.767
9	Chi bảo đảm xã hội	9.667
10	Chi khác ngân sách	1.900
11	Các khoản chi chờ phân bổ (Bao gồm: Chi thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN theo quy định tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính và thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội năm 2023 theo Công văn số 3127/STC-QLNS của Sở Tài chính)	1.650
III	Dự phòng ngân sách	4.300
IV	Chi mục tiêu	30.112
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0

UBND HUYỆN VINH THẠNH

Biểu số 74/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Thạnh)
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	247.935	31.109	216.826	0	0	0	0	0	0
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	212.523	30.109	182.414	0	0	0	0	0	0
	<i>Trong đó:</i>									
1	Văn phòng Huyện ủy	6.682		6.682						
2	Văn phòng HĐND và UBND huyện	5.139		5.139						
3	Trung tâm Chính trị huyện	655		655						
4	Thanh tra	873		873						
5	Phòng Tư pháp	458		458						
6	Phòng Nội vụ	810		810						
7	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	10.478		10.478						
8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.457		1.457						
9	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	4.476	2.700	1.776						
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2.876	2.000	876						
11	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.084		1.084						
12	Phòng Dân tộc	680		680						
13	Phòng Y tế	489		489						
14	Phòng Văn hóa và Thông tin	719		719						
15	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	2.537		2.537						
16	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1.299		1.299						
17	Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh	1.257		1.257						
18	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện	19.014	18.012	1.002						
19	Phòng Giáo dục và Đào tạo	130.530		130.530						
20	Trung Tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện	954		954						
21	Ủy Ban MTTQ Việt Nam	1.182		1.182						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
22	Huyện đoàn	891		891						
23	Hội Liên hiệp Phụ nữ	910		910						
24	Hội Nông dân	881		881						
25	Hội Cựu Chiến binh	373		373						
26	Hội Chữ thập đỏ	347		347						
27	Hội Cựu thanh niên xung phong	115		115						
28	Hội Cựu tù chính trị	115		115						
29	Hội Luật gia	115		115						
30	Hội Người cao tuổi	125		125						
31	Hội Bảo trợ Người tàn tật và Trẻ em mồ côi	125		125						
32	Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN	125		125						
33	Hạt Kiểm lâm	20		20						
34	Chi khác ngân sách	1.900		1.900						
35	Kinh phí chưa phân bổ	5.360	2.404	2.956						
36	UBND xã Vĩnh Sơn	230	230							
37	UBND xã Vĩnh Kim	554	554							
38	UBND xã Vĩnh Hảo	605	605							
39	UBND xã Vĩnh Hiệp	264	264							
40	UBND xã Vĩnh Hòa	677	677							
41	UBND xã Vĩnh Quang	173	173							
42	UBND xã Vĩnh Thuận	220	220							
43	UBND xã Vĩnh Thịnh	1.165	1.165							
44	UBND thị trấn Vĩnh Thạnh	1.105	1.105							
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	5.300	1.000	4.300						
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	0								
IV	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	30.112		30.112						
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0								

UBND HUYỆN VINH THẠNH

Biểu số 75/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Thạnh)

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	4	5	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	31.109	4.100	0	1.741	0	0	0	14.318	1.844	2.899	9.150	1.000
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	18.012	4.100		1.200				2.762	1.400	1.600	8.150	1.000
2	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2.000							1.000			1.000	
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2.700							2.700				
4	UBND xã Vĩnh Sơn	230			23				207				
5	UBND xã Vĩnh Hòa	677							677	77	400		
6	UBND xã Vĩnh Hảo	605			405				200				
7	UBND xã Vĩnh Hiệp	264							264	64			
8	UBND xã Vĩnh Kim	554							554	46	308		
9	UBND xã Vĩnh Thuận	220							220				
10	UBND xã Vĩnh Thịnh	1.165			108				1.057	169	506		
11	UBND xã Vĩnh Quang	173							173	88	85		
12	UBND thị trấn Vĩnh Thạnh	1.105			5				1.100				
13	Kinh phí chờ phân bổ	3.404							3.404				

UBND HUYỆN VINH THẠNH

Biểu số 76/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Thạnh)

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	
	TỔNG SỐ	182.414	131.330	250	-	809	1.352	376	1.102	4.732	700	2.856	26.917	11.167	4.379
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	182.414	131.330	250	-	809	1.352	376	1.102	4.732	700	2.856	26.917	11.167	4.379
	<i>Trong đó:</i>														
1	Văn phòng Huyện ủy	6.682											6.682		
2	Văn phòng HĐND và UBND huyện	5.139											5.139		
3	Trung tâm Chính trị	655	150										505		
4	Thanh tra	873											873		
5	Phòng Tư pháp	458											458		
6	Phòng Nội vụ	810											810		
7	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	10.478											911	9.567	
8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.457									300	300	1.157		
9	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.776		250							700	700	826		
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	876							100				776		
11	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.084											1.084		
12	Phòng Dân tộc	680											580	100	
13	Phòng Y tế	489											489		
14	Phòng Văn hóa và Thông tin	719											719		
15	Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao	2.537				809	1.352	376							
16	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1.299									1.299		1.299		
17	Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh	1.257									1.257		1.257		
18	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện	1.002									1.002				
19	Phòng Giáo dục và Đào tạo	130.530	130.076										454		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	
20	Trung Tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện	954	954												
21	Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện	1.182											1.182		
22	Huyện đoàn	891											891		
23	Hội Liên hiệp Phụ nữ	910											910		
24	Hội Nông dân	881											881		
25	Hội Cựu Chiến binh	373											373		
26	Hội Chữ thập đỏ	347											347		
27	Hội Cựu thanh niên xung phong	115											115		
28	Hội Cựu tù chính trị	115											115		
29	Hội Luật gia	115											115		
30	Hội Người cao tuổi	125											125		
31	Hội Bảo trợ Người tàn tật và Trẻ em mồ côi	125											125		
32	Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN	125											125		
33	Hạt Kiểm lâm	20								20					
34	Chi khác ngân sách	1.900												1.900	
-	Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội	800												800	
-	Thanh tra huyện (trích 30% kinh phí thu hồi qua thanh tra)	30												30	
-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện (Chi trả tiền thuê tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện)	70												70	
-	Chi các khoản khác	1.000												1.000	
35	Kinh phí chưa phân bổ	2.956	150							1.156			150	1.500	
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	-													
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-													
IV	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	-													
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-													

UBND HUYỆN VINH THẠNH

Biểu số 77/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Thạnh)

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	49.661	3.890	790	3.100	45.771	-	-	49.661
1	Xã Vĩnh Sơn	6.033	20	20		6.013			6.033
2	Xã Vĩnh Kim	4.960	1.670	10	1.660	3.290			4.960
3	Xã Vĩnh Hòa	5.011	40	40		4.971			5.011
4	Xã Vĩnh Hào	5.151	30	30		5.121			5.151
5	Xã Vĩnh Hiệp	5.342	160	160		5.182			5.342
6	Xã Vĩnh Quang	4.954	1.440	140	1.300	3.514			4.954
7	Xã Vĩnh Thịnh	5.554	180	180		5.374			5.554
8	Xã Vĩnh Thuận	5.019	20	20		4.999			5.019
9	Thị trấn Vĩnh Thạnh	7.637	330	190	140	7.307			7.637

UBND HUYỆN VINH THẠNH

Biểu số 78/CK-NSNN

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Thạnh)
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	2.121	-	2.121	-
1	Xã Vĩnh Sơn	125		125	
2	Xã Vĩnh Kim	125		125	
3	Xã Vĩnh Hòa	130		130	
4	Xã Vĩnh Hảo	630		630	
5	Xã Vĩnh Hiệp	205		205	
6	Xã Vĩnh Quang	445		445	
7	Xã Vĩnh Thịnh	205		205	
8	Xã Vĩnh Thuận	125		125	
9	Thị trấn Vĩnh Thạnh	131		131	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Vinh Thanh)

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020		Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020			Kế hoạch vốn năm 2023					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
							Ngoài nước			Ngân sách cấp tỉnh			Ngoài nước		Ngân sách cấp tỉnh	Ngoài nước	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ														74.912		0	28.703	46.209
I.1.1	Vốn ngân sách tỉnh đầu tư trực tiếp														28.703			28.703	
I.1.1.1	Nguồn vốn ngân sách tỉnh đầu tư tập trung														5.117			5.117	
*	Công trình hoàn thành														2.955			2.955	
1	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Vinh Hòa, huyện Vinh Thanh	Vinh Hòa													1.025			1.025	
2	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Vinh Thuận, huyện Vinh Thanh	Vinh Thuận													750			750	
3	Xây dựng tuyến đường chính Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng xã Vinh Sơn, huyện Vinh Thanh	Vinh Sơn													1.180			1.180	
*	Công trình chuyển tiếp														2.000			2.000	
1	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Vinh Thịnh, huyện Vinh Thanh	Vinh Thịnh													1.000			1.000	
2	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Vinh Hiệp, huyện Vinh Thanh	Vinh Hiệp													1.000			1.000	
*	Công trình chuẩn bị đầu tư														162			162	
1	Trụ sở làm việc Công an xã Vinh Thịnh.	Vinh Thịnh													54			54	
2	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Vinh Thanh.	Thị trấn Vinh Thanh													54			54	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Vinh Hòa	Vinh Hòa													54			54	
I.1.1.2	Nguồn cấp quyền sử dụng đất tỉnh bố trí														16.800			16.800	
*	Công trình chuyển tiếp														6.300			6.300	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020			Kế hoạch vốn năm 2023					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Ngoài nước		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		
							Ngoài nước			Ngân sách cấp tỉnh								Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh Quang	Vĩnh Quang													2.100			2.100	
2	Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh Hảo	Vĩnh Hảo													2.100			2.100	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh Thuận	Vĩnh Thuận													2.100			2.100	
*	Công trình khởi công mới														10.500			10.500	
1	Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thịnh													3.500			3.500	
2	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Vĩnh Thạnh.	Thị trấn Vĩnh Thạnh													3.500			3.500	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh Hòa	Vĩnh Hòa													3.500			3.500	
I.1.1.3	Nguồn vốn xô số kiến thiết														6.786			6.786	
*	Công trình chuyển tiếp														6.786			6.786	
1	Trường Tiểu học Vĩnh Hảo (Hạng mục: Nhà hiệu bộ và 8 phòng lớp học)	Vĩnh Hảo													4.000			4.000	
2	Tượng đài khởi nghĩa Vĩnh Thạnh	Thị trấn Vĩnh Thạnh													486			486	
3	Trạm Y tế thị trấn Vĩnh Thạnh	Thị trấn Vĩnh Thạnh													2.300			2.300	
I.1.2	Vốn ngân sách huyện đầu tư														46.209			46.209	
I.1.2.1	Nguồn vốn Ngân sách tỉnh đầu tư giao huyện bố trí														11.109				11.109
*	Công trình quyết toán														159				159
*	Công trình hoàn thành														4.000				4.000
1	BTXM nâng cấp các tuyến đường nội bộ thị trấn Vĩnh Thạnh và Hệ thống thoát nước	Thị trấn Vĩnh Thạnh													600				600
2	Nâng cấp hệ thống nước sạch khu vực thị trấn Vĩnh Thạnh	Thị trấn Vĩnh Thạnh													200				200
3	Bê tông xi măng tuyến đường Ngô Mây	Thị trấn Vĩnh Thạnh													200				200

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020			Kế hoạch vốn năm 2023					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Ngoài nước		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		
							Ngoài nước			Ngân sách cấp tỉnh								Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
4	Hệ thống thoát nước + nâng cấp đường từ ngã ba nhà bà Ngọc đến nhà ông Lộc	Thị trấn Vĩnh Thạnh													200				200
5	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Thạnh; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp Công - Tường rào	Thị trấn Vĩnh Thạnh													600				600
6	Trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Vĩnh Kim, Hạng mục: Nhà lớp học 03 phòng làng Đăk Tra	Vĩnh Kim													800				800
7	Sửa chữa nhà làm việc khối UBND huyện Vĩnh Thạnh, Hạng mục: Công nghệ, tường rào (mặt chính); cột cờ, nhà để xe; các dãy nhà làm việc khu A, B, C, D	Thị trấn Vĩnh Thạnh													1.000				1.000
8	Bê tông xi măng tuyến đường Bùi Thị Xuân. Hạng mục Đoạn tuyến từ đường Ngô Mây đến đường Huỳnh Thị Đào	Thị trấn Vĩnh Thạnh													200				200
9	Sửa chữa nhà làm việc và bê tông xi măng sân trụ sở Huyện ủy	Thị trấn Vĩnh Thạnh													200				200
*	Công trình khởi công mới														4.050				4.050
1	Thao trường huấn luyện của Ban Chỉ huy Quân sự huyện Vĩnh Thạnh (Hạng mục: - San lấp mặt bằng và hệ thống thoát nước - Công nghệ, tường rào bảo vệ)	Vĩnh Thuận													800				800
2	Tường rào, công nghệ nhà văn hóa xã Vĩnh Hào	Vĩnh Hào													200				200
3	Trường Mẫu giáo Vĩnh Hiệp. HM: Tường rào, công nghệ, sân nền	Vĩnh Hiệp													300				300
4	Sửa chữa nhà làm việc Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên và xây dựng mới sân bóng chuyền	Thị trấn Vĩnh Thạnh													150				150
5	Nhà văn hóa khu phố Định An	Thị trấn Vĩnh Thạnh													1.000				1.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020			Kế hoạch vốn năm 2023					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Ngoài nước		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		
							Ngoài nước			Ngân sách cấp tỉnh								Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
6	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Vĩnh Thịnh. HM: Tường rào, cổng ngõ, sân nền bê tông	Vĩnh Thịnh													600				600
7	Nhà để xe + kè chống xói lở trụ sở UBND xã Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thịnh													500				500
8	Nâng cấp, sửa chữa và cải tạo khuôn viên Trụ sở Huyện ủy	Thị trấn Vĩnh Thạnh													500				500
*	Đối ứng các công trình do ngân sách tỉnh đầu tư trên địa bàn														1.000				1.000
1	Trường TH thị trấn Vĩnh Thạnh. HM: NLH 02T10P	Thị trấn Vĩnh Thạnh													800				800
2	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Thạnh	Thị trấn Vĩnh Thạnh													200				200
*	Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia														900				900
*	Dự phòng theo Luật đầu tư công (10%)														1.000				1.000
I.1.2.2	Nguồn cấp quyền sử dụng đất huyện bố trí														20.000				20.000
*	Công trình hoàn thành														300				300
1	Đầu tư hạ tầng nghĩa địa thị trấn Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2)	Thị trấn Vĩnh Thạnh													300				300
*	Công trình chuyển tiếp														5.500				5.500
1	Lập quy hoạch sử dụng đất của huyện Vĩnh Thạnh thời kỳ 2021 - 2030	huyện Vĩnh Thạnh													1.000				1.000
2	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035	Thị trấn Vĩnh Thạnh													1.200				1.200
3	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035														1.500				1.500
4	BTXM kênh mương từ vườn bà Thourú đến nhà ông Duy Đào	An Ngoại													200				200

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020			Kế hoạch vốn năm 2023					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Ngoài nước		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		
							Ngoài nước			Ngân sách cấp tỉnh								Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
5	BTXM kênh mương từ nhà 2 Hường đến kênh N1a	Vĩnh Hòa													300				300
6	Bê tông kênh mương từ đám ông Tuấn đến đám ông Kiên	Tiên Hòa													200				200
7	Bê tông kênh mương tuyến từ ruộng ông Dũng đến ruộng ông An	Tiên Hòa													200				200
8	Kênh mương suối Trúng cá	Kông Trú													100				100
9	Kênh mương suối Mtroi	Kông Trú													200				200
10	BTXM kênh mương nội đồng khu phố Định Thiên, Thị trấn Vĩnh Thạnh	Định Thiên													300				300
11	BTXM kênh mương nội đồng khu phố Định Bình, thị trấn Vĩnh Thạnh	Định Bình													300				300
*	Công trình khởi công mới														9.500				9.500
1	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Vĩnh Thạnh	huyện Vĩnh Thạnh													1.000				1.000
2	Khu dân cư thôn Định Nhất, xã Vĩnh Hào	Vĩnh Hào													1.000				1.000
3	Khu dân cư khu phố Định An (Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và lập quy hoạch)	Thị trấn Vĩnh Thạnh													1.500				1.500
4	Khu dân cư thôn Định Xuân	Vĩnh Quang													2.500				2.500
5	Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ xã Vĩnh Hào	Vĩnh Hào													1.000				1.000
6	Mở rộng mặt đường và Hệ thống thoát nước các tuyến đường Thị trấn Vĩnh Thạnh	Thị trấn Vĩnh Thạnh													1.000				1.000
7	Quy hoạch xây dựng chung xã Vĩnh Hào, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035	Vĩnh Hào													200				200
8	Quy hoạch xây dựng chung xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035	Vĩnh Thịnh													300				300

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020		Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020			Kế hoạch vốn năm 2023						
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Ngoài nước		Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		
							Ngoài nước			Ngân sách cấp tỉnh								Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
9	Quy hoạch xây dựng chung xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035	Vĩnh Hiệp													200				200
10	Quy hoạch xây dựng chung xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035	Vĩnh Sơn													200				200
11	Quy hoạch xây dựng chung xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035	Vĩnh Kim													200				200
12	Quy hoạch xây dựng chung xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035	Vĩnh Thuận													200				200
13	Quy hoạch xây dựng chung xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035	Vĩnh Hòa													200				200
*	Đối ứng các công trình do ngân sách tỉnh đầu tư trên địa bàn	huyện Vĩnh Thạnh													1.500				1.500
1	Trường Mẫu giáo Vĩnh Hiệp; Hạng mục: 06 phòng học, nhà ăn + bếp và Nhà hiệu bộ														1.200				1.200
2	Trường Tiểu học Vĩnh Hảo (Hạng mục: Nhà hiệu bộ và 8 phòng lớp học)														300				300
*	Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia	huyện Vĩnh Thạnh													900				900
*	Bố trí cho công trình, dự án khác	huyện Vĩnh Thạnh													2.300				2.300
I.1.2.3	Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư														15.100				15.100
1	Sự nghiệp thủy lợi														300				300
2	Sự nghiệp giao thông														700				700
3	Đô thị loại V														2.000				2.000
4	Nguồn vốn hỗ trợ kiến thiết thị chính; chỉnh trang, nâng cấp, phát triển môi trường, cảnh quan đô thị; quảng bá, phát triển văn hóa - du lịch; xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu														12.100				12.100

